

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-5-2019

V/v “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Đình Nhân

Bà Phạm Thị Hồng Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Minh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số 11B, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1993; Nơi cư trú cuối cùng: Số 11B, thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, ông T có mặt, bà G vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Minh T:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà G kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới khoảng 06 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian 03 tháng đầu hạnh phúc, đến năm 2014 bà G bỏ đi khỏi địa phương. Ông và gia đình đã nhiều lần nhắn tin, tìm kiếm qua bà con thân thuộc và ông đã yêu cầu Tòa án đã thông báo tìm kiếm bà G trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì. Vào ngày 26/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra

Quyết định tuyên bố bà G mất tích. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Nguyễn Thị G.

Về con chung: Ông và bà G không có con chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà G không có tài sản chung, không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn ông T giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản trích lục kết hôn (bản sao), 01 bản Giấy chứng minh nhân dân – ông T (bản photo), 01 bản Quyết định giải quyết việc dân sự v/v tuyên bố một người mất tích số 16/2018/QĐST-DS ngày 26/10/2018 (bản chính), 01 bản Bản tự khai của ông T; Các tài liệu, chứng cứ bị đơn nộp cho Tòa án bao gồm: Không có; Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Không có.

Do bà Nguyễn Thị G mất tích nên Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt G và đã niêm yết thông báo kết quả phiên họp cho bà G được biết. Do bà G vắng mặt và ông T yêu cầu Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, xử cho ông T với bà G ly hôn; Con chung: không có nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn ông Hoàng Minh T với bị đơn bà Nguyễn Thị G. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 26/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra Quyết định tuyên bố bà Nguyễn Thị G mất tích, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà G theo quy định.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa ông Hoàng Minh T và bà Nguyễn Thị G là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống theo ông T thì thời gian đầu có hạnh phúc, đến năm 2014 bà Nguyễn Thị G bỏ đi khỏi địa phương, quan hệ vợ chồng đã tự chấm dứt. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng ông T và bà G đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, bà G đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2014 đến nay vẫn không có tin tức gì, cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chấp nhận yêu cầu của ông T về việc xin ly hôn với bà G theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông T và bà G không có con chung, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà G không có tài sản chung, không có nợ chung ông T không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Minh T, xử cho ông Hoàng Minh T với bà Nguyễn Thị G được ly hôn.

Về án phí: Ông Hoàng Minh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện xin ly hôn. Ông T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0006706 ngày 12/4/2019 được chuyển thu.

Ông T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà G vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Phụng Diễm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thị Hằng – Trương Văn Điều

Lê Thị Phụng Diễm

